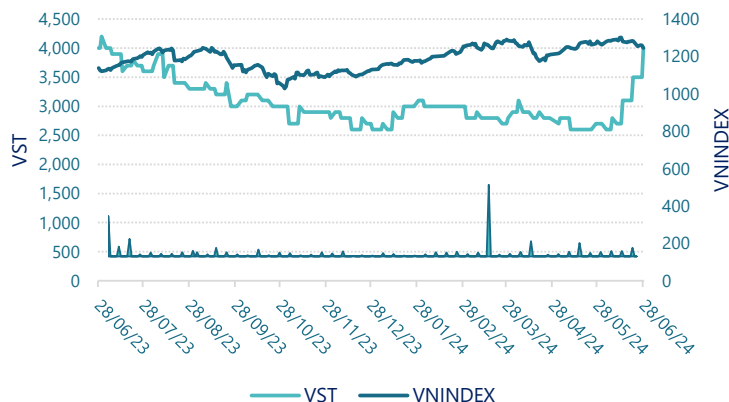


CTCP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (UPCOM: VST)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 28/06/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	4,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,600
SL cổ phiếu LH	66,999,337
KLGD BQ 20 phiên (CP)	58,630
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	268
P/E	1.2
EPS	3,319

DT thuần

Q2/24

122

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.0 | 10.2%

LN sau thuế

Q2/24

92.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.00 | 3.3%

YoY: ▼ 425 | -82.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

83.6%

+/- YoY: ▼ 354%

DT thuần

6T 2024

233

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 10.0 | 4.7%

LN sau thuế

6T 2024

182

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 335 | -64.9%

ROE

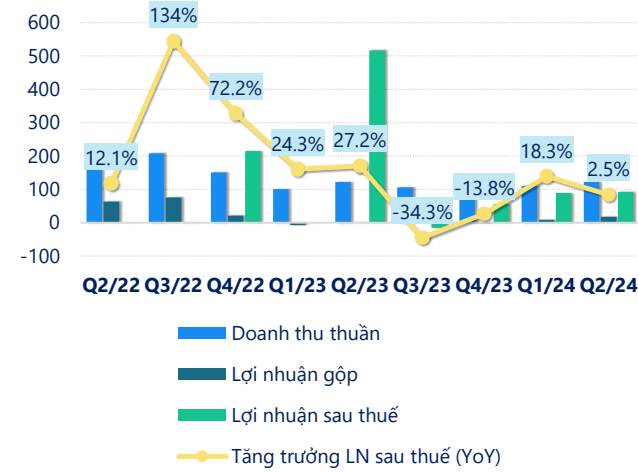
Q2/24

-26.6%

+/- YoY: ▲ 28.4%

tỷ VNĐ

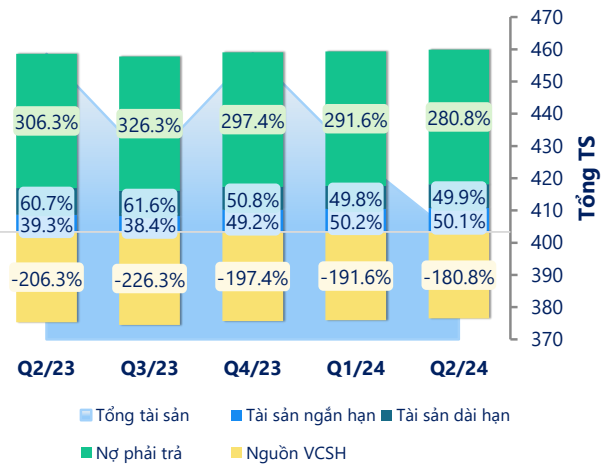
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

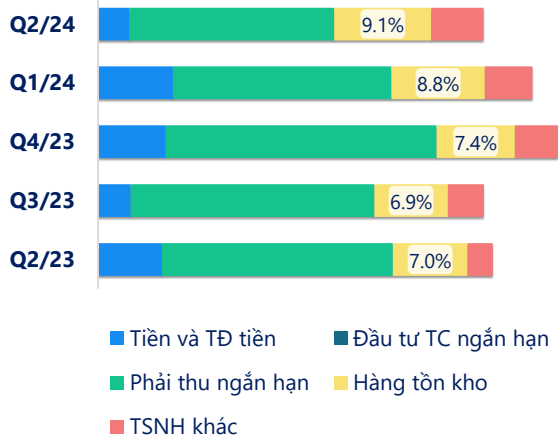
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



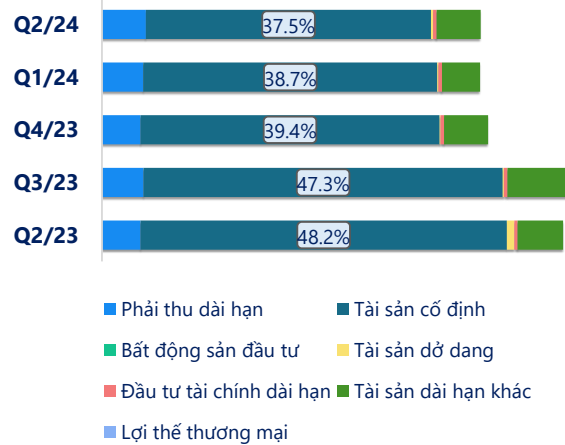
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

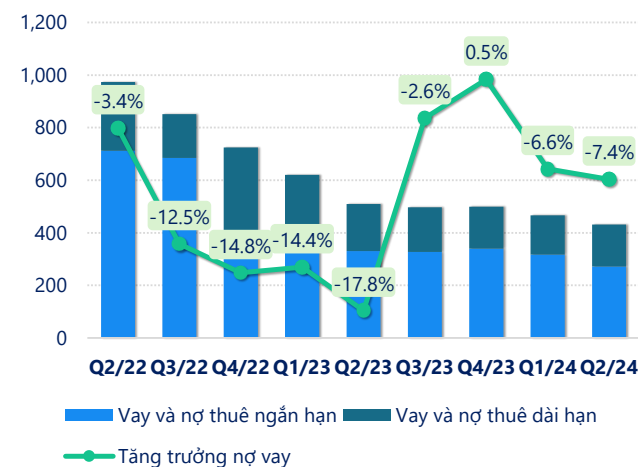
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

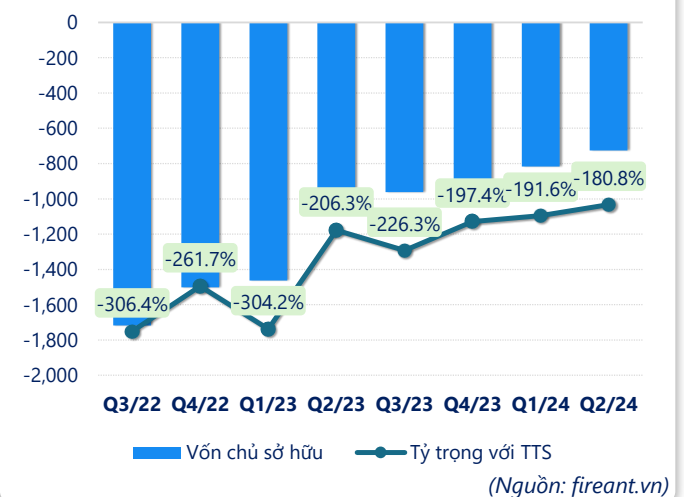
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

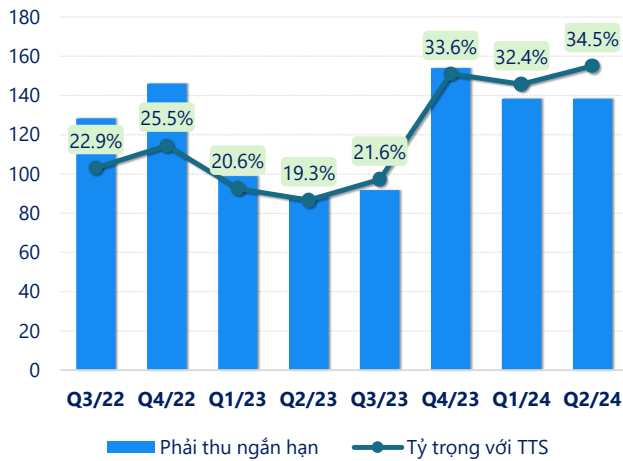
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



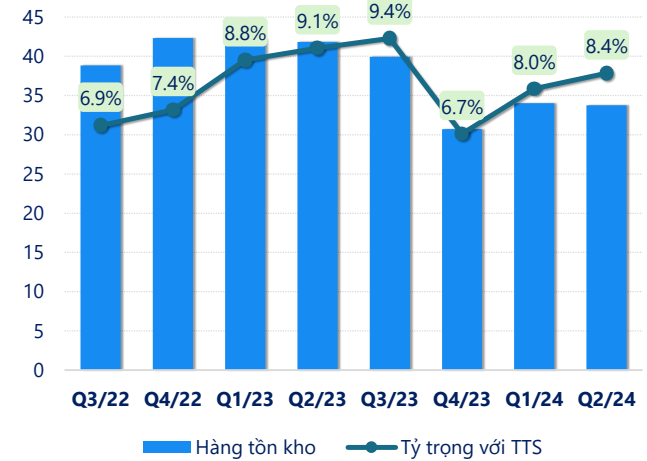
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


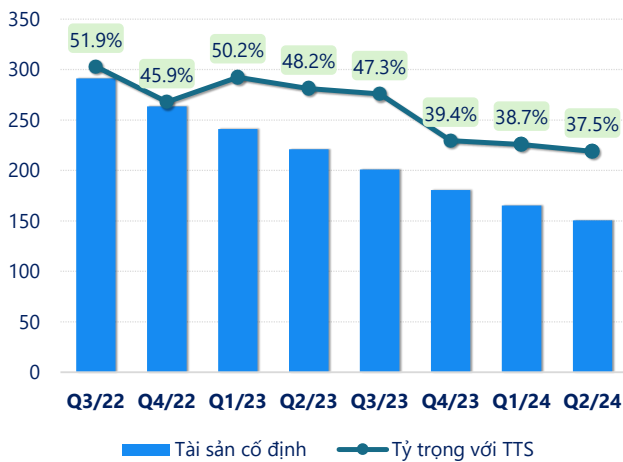
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


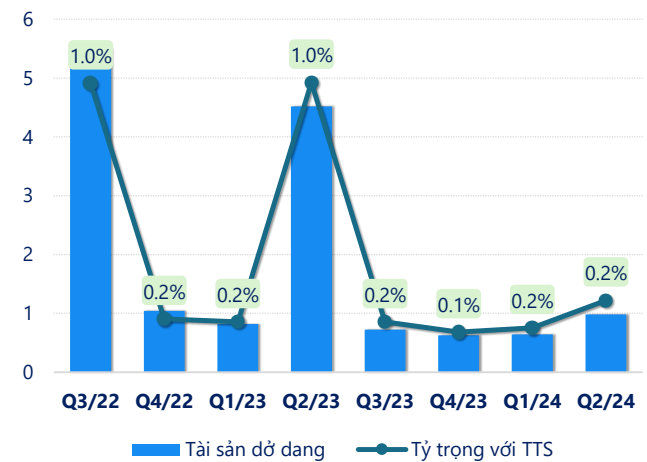
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

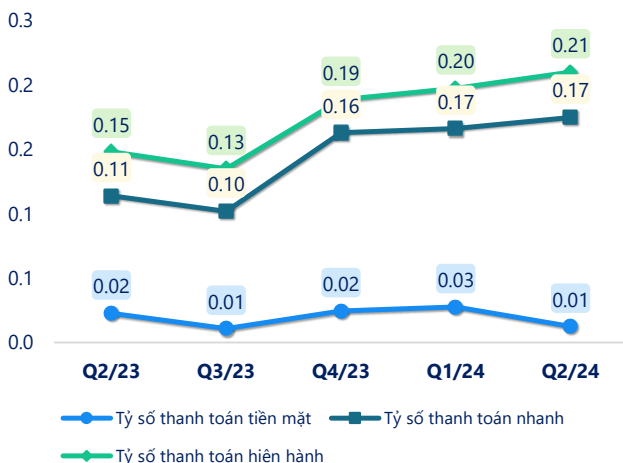
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

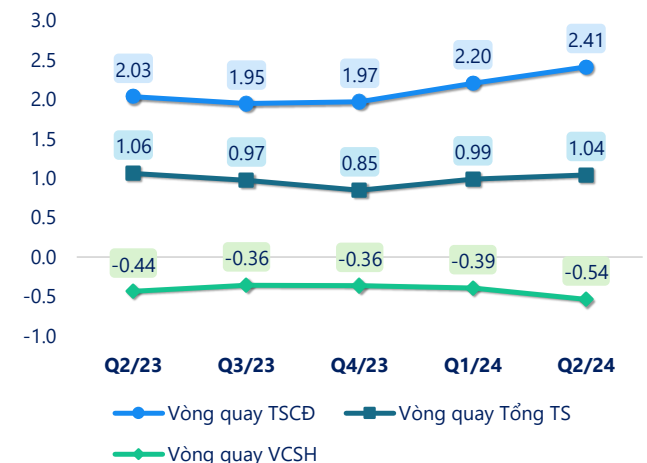
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	459	425	459	427	401
Tài sản ngắn hạn	180	163	226	214	201
Tiền và tương đương tiền	27.5	13.0	29.3	30.0	11.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	88.3	91.8	154	138	138
Hàng tồn kho	41.8	39.9	30.7	34.0	33.7
Tài sản ngắn hạn khác	22.6	18.2	11.5	12.1	17.3
Tài sản dài hạn	278	262	233	212	200
Phải thu dài hạn	23.2	23.2	23.2	23.2	23.3
Tài sản cố định	221	201	181	165	151
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	4.52	0.73	0.63	0.64	0.98
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	2.00	2.00	2.00	2.00
Tài sản dài hạn khác	27.4	35.1	26.7	21.3	23.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,404	1,387	1,365	1,244	1,127
Nợ ngắn hạn	1,216	1,209	1,196	1,086	959
Vay và nợ thuê ngắn hạn	330	327	339	316	272
Phải trả người bán ngắn hạn	25.1	21.9	12.5	9.52	10.7
Nợ dài hạn	188	178	168	158	168
Vay và nợ thuê dài hạn	180	170	160	150	160
Nguồn vốn chủ sở hữu	-946	-962	-906	-818	-725
Vốn chủ sở hữu	-946	-962	-906	-818	-725
Vốn điều lệ	670	670	670	670	670
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)